

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/02/2022

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy
- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án **Hôn** nhân gia đình thụ lý số 234/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2021, về việc *“Ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐ-ST ngày 27 tháng 01 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh Th, sinh năm 1990.

HKTT: Thôn 3, xã CS (nay là xã ĐS), huyện CGi, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ hiện nay: Thôn TrTh, phường VA, thành phố h, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Nguyễn Tr, sinh năm 1988.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn 3, xã CS (nay là xã ĐS), huyện CGi, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Singapore (vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông Phạm Nguyễn Th.

Địa chỉ: Thôn 3, xã CS(nay là xã ĐS), huyện CGi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh Th trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Chị và anh Phạm Nguyễn Tr được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CS(nay là xã

ĐS), huyện CGi, **tỉnh Hải Dương** vào ngày 19/5/2015. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về ở cùng bố mẹ chị tại thôn TrTh, phường VA, thành phố ChL, tỉnh Hải Dương, khoảng 3 tháng sau thì anh Tr sang Singapore làm ăn. Đến cuối năm 2016, chị cũng sang Singapore làm ăn nhưng mỗi người một công việc khác nhau, hai vợ chồng chỉ gặp nhau vào cuối tuần. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 3 năm, đến tháng 6/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chủ yếu là về vấn đề kinh tế, một phần là do anh Tr không tu chí làm ăn. Chị đã khuyên nhủ nhưng anh Tr vẫn không thay đổi, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, anh Tr còn đánh đập, xúc phạm chị, tình trạng bạo lực gia đình thường xuyên xảy ra. Gia đình hai bên cũng biết về mâu thuẫn của vợ chồng chị, có can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Chị cũng đã nhẫn nhịn chịu đựng để con có bố có mẹ, nhưng mâu thuẫn không thể khắc phục được, hai vợ chồng sống ly thân nhau kể từ đó đến nay, không còn nói chuyện với nhau, quan tâm gì đến nhau nữa. Tháng 9/2021, chị đã về nước, còn anh Tr vẫn ở lại Singapore làm ăn. Nhận thấy, vợ chồng xa cách nhau đã lâu, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr.

- *Về con chung*: Chị và anh Tr có 01 con chung là Phạm Nguyễn Quang A, sinh ngày 29/01/2016, hiện nay cháu đang ở cùng chị và ông bà ngoại. Chị hiện đang vừa học, vừa làm tại cửa hàng Diệp Thanh Beauty Center, địa chỉ: số 12 Chu VA, KS, BGi, Hải Dương, thu nhập trung bình khoảng gần 10 triệu đồng/tháng. Bố mẹ chị đều làm lao động tự do ở nhà, có nhiều thời gian rảnh rỗi, hàng ngày hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con cái. Do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn*: Trong quá trình giải quyết vụ án do chị Th không cung cấp được địa chỉ của anh Tr tại Singapore nên Tòa án đã xác minh qua gia đình anh Tr, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh Tr. Ông Phạm Nguyễn Th là bố đẻ anh Tr xác định, anh Tr hiện làm ăn, sinh sống tại Singapore nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể của anh Tr nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, anh Tr thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Tr biết. Theo ông Th cung cấp thì về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, con chung như chị Th trình bày là đúng. Anh Tr và chị Th không còn liên lạc với nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Việc chị Th làm đơn xin ly hôn với anh Tr, **ông** đã thông báo cho anh Tr biết. Quan điểm của anh Tr cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã lâu,

hai vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị Th và giao con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Th. Vợ chồng anh Tr, chị Th không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên. Do tình hình dịch Covid diễn biến phức tạp, anh Tr đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Tại phiên tòa: Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh Tr vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Ánh Th được ly hôn anh Phạm Nguyễn Tr; Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Nguyễn Quang A, sinh ngày 29/01/2016 cho chị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng cho con; Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ánh Th có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Phạm Nguyễn Tr. Anh Tr hiện đang sinh sống và lao động tại Singapore. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th không cung cấp được địa chỉ của anh Tr tại Singapore. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh Tr cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tr vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Th, anh Tr.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh Th và anh Phạm Nguyễn Tr được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CS(nay là Ủy ban nhân dân xã ĐS), huyện CGi, tỉnh Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/5/2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr. Thông qua gia đình, anh Tr có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Th. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của chị Th và anh Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Th xin ly hôn anh Tr là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Th và anh Tr có 01 con chung là Phạm Nguyễn Quang A, sinh ngày 17/8/2017. Hiện cháu Quang A đang ở với chị Th. Xét thực tế, anh Tr đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên việc giao con cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Tr được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Ánh Th được ly hôn anh Phạm Nguyễn Tr.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ánh Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phạm Nguyễn Quang A, sinh ngày 29/01/2016, thời gian từ tháng 02/2022 đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Ánh Th không yêu cầu anh Phạm Nguyễn Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh Phạm Nguyễn Tr được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004560 ngày 22/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (Chị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ánh Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Anh Phạm Nguyễn Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã CS(nay là xã ĐS), huyện CGi, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa